

Bản án số: 35/2022/HS-ST

Ngày: 17-5-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thanh Tiên

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải

Ông Lê Hữu Trọng

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành – Thư ký
Toà án nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Đầu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân Quận N, Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
110/2021/TLST-HS ngày 29/12/2021, quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
28/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Lệ T, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1978 tại: Tiền Giang; giới tính: Nữ;
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Cô Nhi viện tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Khóm B,
thị trấn A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Học vấn: 01/12;
Dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T; con bà: Hoàng Lệ D;
Chưa có chồng, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/9/2021 (có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Bà Lưu Tổ L, sinh năm 1968 (Đã chết năm 2019)

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Lưu Minh N, sinh năm
1995; Nơi cư trú: 14 đường D, phường Q, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng
mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung
vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 02 năm 1996, Trần Lệ T có làm thuê cho bà Lưu Tổ L tại nhà số
29 đường K, Phường B, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh được khoảng 03 tháng
thì nghỉ việc về quê. Khoảng 07 giờ 00, ngày 19 tháng 9 năm 1996, T đến nhà của
bà Vũ Thị M là mẹ ruột của bà L tại nhà số 15 đường K, Phường B, Quận N,
Thành phố Hồ Chí Minh để xin giúp việc lại cho bà L. Trong lúc nói chuyện lợi

dụng bà M không để ý, T đã lấy trộm chìa khoá nhà của bà L. Khoảng 08 giờ 15 phút cùng ngày, T đến nhà bà L dùng chìa khoá vừa lấy trộm được để mở cửa chính vào nhà, lên gác mở tủ quần áo của bà L (loại tủ đứng, không có khoá, bên trong tủ có một ngăn kéo nhỏ có chứa một hộp hình chữ nhật bằng nhung, bên trong hộp có chứa vàng và tiền). T đã lấy trộm tổng cộng 12 lượng vàng miếng hình chữ nhật có hình con rồng, 01 đôi bông tai bằng vàng, 04 sợi dây chuyền vàng, 01 lắc tay bằng vàng, một số nhẫn bằng vàng (đều không nhớ rõ số lượng và trọng lượng), 03 tờ tiền đô la Mỹ (không nhớ rõ mệnh giá). Sau đó, T bỏ trốn về xã X, huyện Gò Công Đông (nay là thị xã Gò Công), tỉnh Tiền Giang. T đã đưa cho chị ruột là Trần Lệ T1 02 lượng vàng miếng có hình con rồng; 01 miếng T cho chị T1, còn 01 miếng T dặn chị T1 đưa cho chị Trần Lệ T2 (là chị ruột của T). Sau đó, T bỏ trốn về thị trấn A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp sinh sống cho đến ngày bị bắt. Trong thời gian bỏ trốn, T đã bán hết số vàng trộm cắp để lấy tiền tiêu xài; do chia thành nhiều lần bán ở nhiều nơi khác nhau nên T không nhớ rõ nơi bán, còn số tiền ngoại tệ trộm được T đã làm rơi trong quá trình di chuyển.

Đến ngày 15 tháng 9 năm 2021, T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M phát hiện bắt giữ theo Quyết định truy nã số 90 ngày 04 tháng 10 năm 1996 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận N.

Quá trình điều tra, Trần Lệ T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên. Sau khi trộm cắp tài sản, T bỏ trốn về khóm 4, thị trấn A, huyện M, tỉnh Đồng Tháp cư trú và làm thuê phụ bán quán. T không biết mình bị truy nã cho đến ngày 15 tháng 9 năm 2021 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M phát hiện bắt giữ thì T mới biết.

Xác minh tại Công an xã X, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang, bà Trần Lệ T1 hiện tại không có mặt tại địa phương, gia đình không liên lạc được.

Xác minh tại Công an xã T, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, bà Trần Lệ T1 hiện tại không có mặt tại địa phương.

Xác minh tại Công an Phường B, Quận N, bị hại Lưu Tô L đã chết ngày 05/11/2019.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) ti vi 14 Inch hiệu Vietronic màu đen mã số 502743; 05 (năm) nhẫn kim loại màu vàng bên trong có số 10,9999 khắc chữ “Kim Cúc”; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trong có số 20,9999 khắc chữ “Kim Cúc”; 01 (một) miếng kim loại màu vàng bên ngoài có bọc nhựa màu trắng, mặt trước có hàng chữ SJC Rồng Vàng số P22506, mặt sau khắc hình con rồng.

Tại Công văn số 718/CV-Cty ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vàng Bạc Đá quý Sài Gòn – SJC trả lời về giá mua bán vàng miếng SJC tại thời điểm tháng 9 năm 1996 với giá mua vào là 5.182.000 đồng (năm triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng)/lượng; giá bán ra là 5.212.000 đồng (năm triệu hai trăm mười hai nghìn đồng)/lượng.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Lưu Minh N (con gái ruột của bà Lưu Tổ L) là người đại diện hợp pháp của bà Lưu Tổ L (đã chết) yêu cầu bị cáo bồi thường số vàng đã bị mất trộm 12 lượng vàng, tương đương 62.184.000 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Bản cáo trạng số: 07/CT-VKS ngày 27/12/2021 của Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Lệ T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Lệ T về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Lệ T với mức án từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù; vật chứng xử lý theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Lưu Minh N là người đại diện hợp pháp của bị hại Lưu Tổ L yêu cầu bị cáo bồi thường số tài sản bị trộm cắp theo quy định pháp luật.

Bị cáo Trần Lệ T không có ý kiến bào chữa, tranh luận và nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa công khai, bị cáo Trần Lệ T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, bị cáo Trần Lệ T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 12 (mười hai) lượng vàng 9999 của bà Lưu Tổ L có trị giá 62.184.000 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng) là đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”.

Do hành vi phạm tội của bị cáo Trần Lệ T thực hiện vào ngày 19/9/1996 có đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản của công dân” theo điểm c Khoản 2 Điều 155 Bộ luật Hình sự năm 1985, có mức hình phạt từ 02 năm đến 10 năm cao hơn với hình phạt theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Nên khi xét xử sẽ áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) theo hướng dẫn tại

điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Lệ T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét bị cáo là người trưởng thành, có sức khỏe, có đủ khả năng nhận biết được hành vi của mình, biết hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải có một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; nhằm mục đích giáo dục bị cáo, đồng thời có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi được một phần trả lại cho người bị hại; bị cáo mới phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù với một thời gian nhất định để có thể cải tạo bị cáo thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên cũng xem xét cho bị cáo được giảm một phần hình phạt vì từ khi phạm tội đến ngày bị bắt đã hơn 20 năm bị cáo không có thực hiện hành vi phạm tội nào khác, số tài sản phạm tội cũng dùng cho gia đình là những người có hoàn cảnh khó khăn và hiện nay gia đình bị cáo cũng gặp khó khăn về kinh tế.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo phạm tội nhưng khó khăn về kinh tế nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Viện kiểm sát nhân dân Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố để xét xử và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[8] Về vật chứng: Xét 01 (một) ti vi 14 Inch hiệu Vietronic màu đen mã số 502743; 05 (năm) nhẫn kim loại màu vàng bên trong có số 10,9999 khắc chữ “Kim Cúc”; 01 (một) nhẫn kim loại màu vàng bên trong có số 20,9999 khắc chữ “Kim Cúc”; 01 (một) miếng kim loại màu vàng bên ngoài có bọc nhựa màu trắng, mặt trước có hàng chữ SJC Ròng Vàng số P22506, mặt sau khắc hình con rồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi trả lại cho bị hại Lưu Tổ L nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Lưu Minh N là người đại diện hợp pháp của bà Lưu Tổ L yêu cầu bị cáo bồi thường số vàng đã bị mất trộm 12 lượng vàng, tương đương 62.184.000 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Mặc dù quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu hồi được một phần tài sản trả lại cho bị hại, nhưng tại phiên tòa bị cáo Trần Lê T tự nguyện bồi thường cho bị hại với số tiền 62.184.000 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng). Xét sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo là phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Trần Lê T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 9 năm 2021.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 357; Khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Trần Lê T bồi thường cho bị hại Lưu Tổ L (Bà Nguyễn Lưu Minh N là người đại diện hợp pháp) số tiền 62.184.000 đồng (Sáu mươi hai triệu một trăm tám mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo không thanh toán khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên, thì hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Bị cáo chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 3.109.200 đồng (ba triệu một trăm lẻ chín nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Sở Tư pháp TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận N;
- Cơ quan CSĐT Công an Quận N;
- Phòng PV 06-Công an TpHCM;
- Bộ phận THA HS Tòa án Quận N;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận N;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thanh Tiền